

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HSST
Ngày: 16/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giàng A Chu
2. Ông Lương Văn Hưởng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lục - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Hoài Ngân - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở TAND huyện Mường Ảng mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 32/2019/TLST-HS, ngày 01 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HS, ngày 05/8/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn U**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1986, nơi sinh: huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: không; Con ông: Lò Văn S, sinh năm 1962 và con bà Lò Thị L, sinh năm 1962; Bị cáo có 3 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lò Thị O, sinh năm 1984 và có 03 người con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Lò Thị K H – Trợ giúp viên pháp lý của TrU tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (*Vắng mặt*)

NỘI DU VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn U bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 26/4/2019, Lò Văn U đang ở nhà của gia đình tại bản C, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên thì có một người đàn ông dân tộc Mông không rõ tên tuổi, địa chỉ đến trước cổng nhà hỏi U có mua ma túy không? U trả lời bán cho

500.000đ (năm trăm nghìn đồng) rồi lấy tiền từ trong túi quần đang mặc ra đưa cho người đó. Người đàn ông này cầm tiền cất đi rồi lấy từ trong túi đang đeo trên người ra 01 gói heroine, được gói bằng mảnh nilon màu trắng đưa cho U và nói gói heroine này bán với giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Mua được heroine U vào nhà cầu lấy một ít sử dụng, còn người đàn ông dân tộc Mông đi đâu U không rõ. Sử dụng xong heroine U cất giấu gói heroine vào túi quần bên trái đang mặc. Hồi 10 giờ cùng ngày, U đang ở nhà thì tổ công tác Công an huyện Mường Ảng vào nhà, sợ bị Công an phát hiện đang cất giấu ma túy trên người nên U đã bỏ chạy nhưng bị tổ công tác Công an huyện Mường Ảng giữ lại, kiểm tra người U tổ công tác phát hiện thu giữ tại túi quần bên trái của U 01 gói heroine, có khối lượng 0,94 gam. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đồng thời thu giữ toàn bộ số ma túy của U.

Theo biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định ngày 26/4/2019 của Công an huyện Mường Ảng và Kết luận giám định số 490/GĐ-PC09, ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

- Mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Văn U gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine;
- Khối lượng vật chứng thu giữ của Lò Văn U là 0,94 gam.
- Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 09, danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKS-MA ngày 30/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Mường Ảng để xét xử bị cáo Lò Văn U về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo U: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51 và khoản 1,2,5 điều 65 của BLHS xử phạt bị cáo Lò Văn U từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng. Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do cho bị cáo Lò Văn U tại phiên tòa ngày hôm nay, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu để tiêu hủy 0,89 gam Heroine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi trích mẫu gửi giám định.

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho bị cáo.

Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c

khoản 1 điều 249 BLHS; Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình sinh sống tại địa phương chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giai quyết vụ án (*Được thể hiện trong nội dU Công văn số 01/CV, ngày 19/7/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện M, tỉnh Điện Biên*), đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được qui định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo U thừa nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện Mường Ảng, nội dung bản luận cứ bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Lò Văn U đã khai và công nhận: Hồi 10 giờ ngày 26/4/2019, tại nhà ở của gia đình thuộc bản C, xã N, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên, Lò Văn U bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép 0,94 gam heroine, nhằm mục đích để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 32/CT-VKS-MA, ngày 30/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Bị cáo tàng trữ trái phép 0,94 gam Heroine đủ định lượng buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 249 BLHS quy định: *“Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

...

c) Heroine ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 5 gam”.

Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn

cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 5 năm tù, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, đã tiếp tay cho các loại tội phạm gia tăng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần phải được xử lý nghiêm.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lò Văn U được sinh ra và lớn lên tại bản C, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên, bản thân không được đi học. Đến năm 2008 lập gia đình với chị Lò Thị O và có 03 người con chU. Bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ, mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân bị cáo đi vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo; tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án (*Được thể hiện trong nội dU Công văn số 01/CV, ngày 19/7/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên*), nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015. Bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Để tạo điều kiện cho bị cáo học tập, lao động trong cộng đồng xã hội và cũng thể hiện chính sách giáo dục hơn trừng trị của pháp luật Việt Nam đối với người phạm tội. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự phạt tù cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách để bị cáo có điều kiện làm ăn sinh sống, nuôi bản thân và gia đình.

Bị cáo U với nguồn thu nhập chính là làm ruộng, không có thu nhập nào khác, gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng.

Đối với người dân ông dân tộc Mông mà Lò Văn U khai bán ma túy cho U vào ngày 26/4/2019, ngoài lời khai của U không còn tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có đủ điều kiện để xác minh làm rõ.

*** Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS: Tịch thu để tiêu hủy 0,89 gam Heroine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi trích mẫu gửi giám định.

*** Ân phí:** Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí HSST cho bị cáo.

[2] Quyết định truy tố của VKSND huyện Mường Ảng; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của người bào chữa cho bị cáo và của bị cáo qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn U phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51 và khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lò Văn U 18 (*mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 36 (*ba mươi sáu*) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/8/2019).

Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do cho bị cáo Lò Văn U tại phiên tòa ngày hôm nay, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Lò Văn U cho UBND xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Lò Văn U thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện M, tỉnh Điện Biên thì Ủy ban nhân dân xã N - huyện M - tỉnh Điện Biên có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện M để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp Lò Văn U thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS: Tịch thu để tiêu hủy 0,89 gam Heroine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi trích mẫu gửi giám định.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Mường Ảng và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng lập ngày 31/7/2019).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí HSST cho bị cáo.

Phiên tòa kết thúc cùng ngày, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.
- VKSND h.Mường Ảng
- Công an h.Mường Ảng
- Chi cục THADS h.Mường Ảng
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương

